

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2021
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lô

Bà Nguyễn Trần Mỹ Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp C1, xã T, huyện Th, tỉnh Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim O trình bày: Bà và ông Hà Văn Đ tự tìm hiểu nhau và có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An vào ngày 04/10/2002 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Đến tháng năm 2014, một thời gian dài, bà đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông Đ sống ở huyện T, Long An nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách và lạnh nhạt. Cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp. Sau đó, trong năm 2014, bà bỏ sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột tại ấp C1, xã T, huyện Th, tỉnh Long An và đã ly thân với ông Đ từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Văn Đ.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ có 01 con chung tên là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 17/10/1993. Hiện tại, con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Đ không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 14/10/2021, bị đơn là ông Hà Văn Đ trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà O. Về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Không tiến hành hòa giải vụ án được do bà O có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Kim O khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hà Văn Đ. Ông Đ đang cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim O có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Hà Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Trần Thị Kim O:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà O và ông Đ tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 đăng ký ngày 04/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã B (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà O và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà O và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà O trình bày và cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông Đ có ý kiến đồng ý ly hôn với bà O và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa bà O và ông Đ là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm

vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà O yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên chấp nhận xử cho bà O được ly hôn với ông Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà O và ông Đ xác định có 01 con chung tên là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 17/10/1993 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về chia tài sản: Bà O và ông Đ đều xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Bà O và ông Đ đều xác định không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim O về việc “Ly hôn” đối với ông Hà Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim O được ly hôn với ông Hà Văn Đ.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007122 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Kim O đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án,

bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã B (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An; (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương